

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45/2025/HC-ST

Ngày: 26/02/2025

V/v Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Hoàng Phúc**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Công Thị Minh Lợi**

Bà **Nguyễn Thị Thúy**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Đăng An**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà **Phạm Thị Liên** – Kiểm sát viên.

Ngày 26/02/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử sơ
thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 340/2023/TLST-HC ngày 19/10/2023
về việc khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai theo Quyết
định đưa vụ án ra xét xử số 13/2025/QĐXXST-HC ngày 10/02/2025; giữa các
đương sự:

Người khởi kiện: Ông **Nguyễn Hồng N**, sinh năm 1977; địa chỉ: Số 1 tổ dân phố
K, thị trấn T, huyện G, thành phố Hà Nội; điện thoại: 098848xxxx. (Có
mặt)

Người bị kiện:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G**
- Ủy ban nhân dân huyện G**

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện:

- Bà **Đặng Thị H**, Chủ tịch; là người đại diện theo pháp luật của UBND
huyện G (Vắng mặt có ủy quyền)
- Ông **Dương Viết C**, Phó Chủ tịch; là người đại diện theo ủy quyền của Chủ
tịch và UBND huyện G (giấy ủy quyền ngày 12/12/2023, có đơn xin vắng
mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Trung tâm phát triển quỹ đất huyện G**

2. Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện G

3. Ông **Nguyễn Bá N1**, sinh năm 1950 (Vắng mặt có ủy quyền)

4. Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1950 (Vắng mặt có ủy quyền)

5. Bà **Nguyễn Thị Thu H1**, sinh năm 1983 (Vắng mặt có ủy quyền)

Cùng địa chỉ: Số 1 tổ dân phố K, thị trấn T, huyện G, thành phố Hà Nội

6. Bà **Nguyễn Thị Thu H2**, sinh năm 1981; địa chỉ: Số 17 ngách 121/38/4 tổ 16 phường P, quận L, thành phố Hà Nội. (Vắng mặt có ủy quyền)

7. Bà **Nguyễn Thị T1**, sinh năm 1961; địa chỉ: Số 9 ngõ 32 tổ 13 phường P, quận L, thành phố Hà Nội. (Vắng mặt có ủy quyền)

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Nguyễn Văn T2**, Giám đốc; là người đại diện theo pháp luật của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện G (có đơn xin vắng mặt)

2. Ông **Nguyễn Hồng N**, sinh năm 1977; địa chỉ: Số 1 tổ dân phố K, thị trấn T, huyện G, thành phố Hà Nội; là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Bá N1, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Thu H1, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị Thu H2 (Giấy ủy quyền ngày 23/8/2024, có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo người khởi kiện: Ông Nguyễn Bá N1 (bố đẻ của ông Nguyễn Hồng N) và ông Nguyễn Bá N1 là 02 anh em ruột sử dụng chung thửa đất ở do ông cha để lại tại thôn K, thị trấn T, huyện G đã được thể hiện trên bản đồ đo vẽ năm 1973-1974 gồm thửa số 7 diện tích 29,6m², thửa số 8 diện tích 94m² và thửa số 9 diện tích 676m². Tổng diện tích các thửa là 799,6m².

Theo bản đồ năm 1985-1986, các thửa đất trên được gộp và tách thành thửa số 3 diện tích 401m² đứng tên ông Nguyễn Bá N1 và thửa số 2 diện tích 389m² đứng tên ông Nguyễn Bá N1 (tổng 2 thửa có diện tích 790m²); giáp phía Đông thửa đất số 3 của ông Nguyễn Bá N1 gò có 1 lối đi vào thửa đất 2 của ông Nguyễn Bá N1. Khi lập bản đồ năm 1993-1994 thì thửa đất số 2 diện tích 389m² thành thửa số 5 từ bản đồ 14 diện tích 388m²; thửa số 3 diện tích 401m² thành thửa số 4 từ bản đồ 14 diện tích 381m² (tổng diện tích 2 thửa là 769m²); có lối đi giáp phía Đông Bắc thửa số 4 của ông N1 để vào thửa số 5 của ông N1

Năm 2001, thửa số 5 từ bản đồ 14 diện tích 388m² của ông Nguyễn Bá N1 tiếp tục được tách làm 2 và được UBND huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông Nguyễn Hồng N diện tích 127m² đất ở thửa số 5a; cho hộ gia đình ông Nguyễn Bá N1 diện tích 212m² đất ở thửa 5b (sau được đính chính là 221m² theo Quyết định 6684/QĐ-UBND ngày 21/9/2015 của UBND huyện G). Tổng diện tích 2 thửa số 5a và 5b là 348m². Có 01 lối đi giáp phía Tây Bắc thửa đất của ông N1 được nối liền với lối đi giáp phía Đông Bắc của thửa đất của ông Ngà, qua mặt thửa đất 5a của hộ ông Nguyễn Hồng N để vào thửa đất 5b

của hộ ông Nguyễn Bá N1 .

Từ năm 2013 đến năm 2015, thửa 5a và 5b tiếp tục được tách thửa và đều đã được UBND huyện G cấp GCN QSD đất, cụ thể: Thửa 5a diện tích 127m² của hộ ông Nguyễn Hồng N được tách làm 2 thửa: Bà Nguyễn Thị Thu H2 sử dụng thửa 5a(1) diện tích 66m² (56,5m² riêng + 9,5m² chung); ông Nguyễn Hồng N sử dụng thửa 5a diện tích 68,5m² (59m² riêng + 9,5m² chung). Thửa đất số 5b diện tích 221m² của hộ ông Nguyễn Bá N1 được tách ra làm 3 thửa, cụ thể: Bà Nguyễn Thị T (sau tặng cho bà Nguyễn Thị T1) sử dụng thửa 5b(1) diện tích 77,7m² (57,2m² riêng + 20,5m² chung); bà Nguyễn Thị Thu H1 sử dụng thửa 5b(2) diện tích 70,9m² (50,4m² riêng + 20,5m² chung); ông Nguyễn Bá N1 sử dụng thửa 5b diện tích 113,4m² (102,4m² riêng + 11m² chung).

Để thực hiện dự án: Xây dựng tuyến đường gom từ cầu T đến cầu Vượt P, UBND huyện G đã ban hành các Quyết định số 9032/QĐ-UBND và số 9032/QĐ-UBND cùng ngày 28/12/2021, số 6941/QĐ-UBND ngày 09/11/2022, số 1870/QĐ-UBND và số 1871/QĐ-UBND cùng ngày 12/5/2023 về việc thu hồi toàn bộ diện tích đất sử dụng riêng của bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị Thu H1, ông Nguyễn Hồng N, ông Nguyễn Bá N1 , bà Nguyễn Thị Thu H2; đồng thời ban hành các Quyết định 9072/QĐ-UBND và số Quyết định 9073/QĐ-UBND cùng ngày 28/12/2021, số 6944/QĐ-UBND ngày 09/11/2022, số 1877/QĐ-UBND và số 6945/QĐ-UBND cùng ngày 12/5/2023 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị Thu H1, ông Nguyễn Hồng N, ông Nguyễn Bá N1 , bà Nguyễn Thị Thu H2.

Đối với diện tích lối đi chung, ngày 09/11/2022, UBND huyện G ban hành **Quyết định 6942/QĐ-UBND** về việc thu hồi 69,5m² đất và **Quyết định 6945/QĐ-UBND** về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị Thu H1, ông Nguyễn Hồng N, ông Nguyễn Bá N1 , bà Nguyễn Thị Thu H2; trong đó: 28,9m² đất gia đình tự sử dụng đất công do UBND thị trấn quản lý từ sau 1986 đến trước 15/10/1993 thì không được bồi thường; 21,5m² đã được cấp GCN QSD đất được bồi thường đơn giá đất ở vị trí 3 đường từ tiếp giáp đường N đi qua tổ dân phố K đến giáp đường đi Đại học N là 12.408.200đ/m² = 266.776.300đ theo Quyết định 4613/QĐ-UBND ngày 28/10/2021 của UBND thành phố Hà Nội; 19,1m² là diện tích đất thổ cư của gia đình sử dụng trước năm 1980 chưa được cấp GCN QSD đất được bồi thường đơn giá 12.408.200đ/m² x hệ số K=0,7 theo Điểm đ Khoản 2.2 Điều 3 Quyết định 30/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND thành phố Hà Nội = 8.685.740đ/m² = 165.897.634đ. Tổng số tiền được bồi thường là 453.673.934đ.

Không đồng ý về việc UBND huyện G xác định 28,9m² là đất công và diện tích đất gia đình bị thu hồi thuộc vị trí 3 nên ông Nguyễn Hồng N khiếu nại Quyết định 6945/QĐ-UBND. Ngày 14/3/2023, Chủ tịch UBND huyện G ban hành Quyết định 927/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đã xác định khiếu nại của ông Nguyễn Hồng N là sai, không có cơ sở giải quyết.

Ngày 24/4/2023, ông Nguyễn Hồng N có **Đơn khởi kiện** yêu cầu hủy Quyết

định 927/QĐ-UBND ngày 14/3/2023 của Chủ tịch UBND huyện G về việc giải quyết khiếu nại; hủy Quyết định 6945/QĐ-UBND ngày 09/11/2022 của UBND G về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: yêu cầu UBND huyện G xác định 69,5m² ngõ đi là đất ở sử dụng riêng của gia đình và được bồi thường về đất ở vị trí 1.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Hồng N thay đổi ý kiến, đề nghị Tòa án xác định 28,9m² tiếp giáp với đường từ N đi qua tổ dân phố K đến đường đi Đại học N 1 đến địa phận thị trấn T là vị trí 1; còn đối với diện tích 49m² còn lại của ngõ đi chung sẽ do UBND huyện G xác định theo quy định của pháp luật. Về các quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường đối với diện tích đất ở sử dụng riêng của gia đình thì gia đình không khởi kiện; nếu yêu cầu khởi kiện của ông được Tòa án chấp nhận thì UBND huyện G căn cứ vào bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án để điều chỉnh cho phù hợp.

UBND huyện G có quan điểm: Nội dung khởi kiện của ông Nguyễn Hồng N đã được Chủ tịch UBND huyện G giải quyết tại Quyết định 927/QĐ-UBND ngày 14/3/2023 đúng trình tự, thủ tục và đúng quy định của pháp luật nên không đủ cơ sở để chấp nhận khiếu nại, khiếu kiện của ông Nguyễn Hồng N.

Trung tâm phát triển quỹ đất huyện G và UBND thị trấn T giao nộp tài liệu chứng cứ nhưng không có quan điểm ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hồng N; hủy các quyết định hành chính bị kiện; UBND huyện G phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận thấy:

[1] Đơn khởi kiện ngày 24/4/2023 của ông Nguyễn Hồng N nộp trực tiếp tại Tòa án ngày 25/4/2023 là trong thời hiệu khởi kiện quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính

[2] Quyết định 6942/QĐ-UBND ngày 09/11/2022 của UBND huyện G về việc thu hồi 69,5m² đất mục đích sử dụng đất ở của các ông, bà Nguyễn Bá N1, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thị Thu H1, Nguyễn Thị Thu H2, Nguyễn Hồng N tại các thửa 5a, 5a(1), 5b, 5b(1), 5b(2) tờ bản đồ số 14 tổ dân phố K, thị trấn T để thực hiện dự án Xây dựng tuyến đường gom từ cầu T đến cầu vượt P là đúng quy định của pháp luật, ông Nguyễn Hồng N cũng không khởi kiện đối với quyết định này.

[3] Toàn bộ diện tích 69,5m² là lối đi sử dụng chung của các ông bà Nguyễn Bá N1, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thị Thu H1, Nguyễn Thị Thu H2, Nguyễn Hồng N có phần đã được cấp GCN QSD đất nên Quyết định 6942/QĐ-UBND ngày

09/11/2022 của UBND huyện G về việc thu hồi 69,5m² đất sử dụng vào mục đích ở của các ông bà Nguyễn Bá N1, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thị Thu H1, Nguyễn Thị Thu H2, Nguyễn Hồng N tại các thửa số 5a, 5a(1), 5b, 5b(1), 5b(2) là đúng.

[4] Căn cứ bản đồ đo vẽ năm 1973–1974, xác nhận của UBND thị trấn T tại Biên bản làm việc ngày 02/3/2023 của Thanh tra huyện G xác định thửa đất ông cha để lại cho 2 anh em ông Nguyễn Bá N1 (bố đẻ của ông Nguyễn Hồng N) và ông Nguyễn Bá N1 gà là thửa số 9 diện tích 676m² tại thôn K, thị trấn T, huyện G; phía Đông Bắc của thửa số 9 giáp các thửa số 5 diện tích 702m², thửa số 7 diện tích 29,6m² và thửa số 8 diện tích 94m².

Không có sổ mục kê ruộng đất kèm theo bản đồ năm 1973-1974 và ông Nguyễn Hồng N cũng không cung cấp được tài liệu nên không có căn cứ để ông Nguyễn Hồng N cho rằng thửa số 7 diện tích 29,6m² và thửa số 8 diện tích 94m² là thuộc quyền sử dụng của ông cha. Nhưng cũng không có tài liệu nào để UBND thị trấn T và UBND huyện G xác định các thửa đất giáp hướng Đông Bắc của thửa số 9 gồm thửa số 5 diện tích 702m², thửa số 6 diện tích 48m², thửa số 7 diện tích 29,6m² và thửa số 8 diện tích 94m² đều là đất công do UBND thị trấn quản lý để cho rằng tích 28,9m² lối đi vào thửa số 2 của ông Nguyễn Bá N1 là do gia đình lấn chiếm đường giao thông do UBND thị trấn quản lý.

Căn cứ bản đồ lập năm 1985-1986 có Sổ mục kê ruộng đất kèm theo và xác nhận của UBND thị trấn T tại Biên bản làm việc ngày 02/3/2023, xác định thửa đất số 9 diện tích 676m² đã được tách thành 02 thửa gồm thửa số 2 diện tích 389m² đứng tên ông Nguyễn Bá N1 và thửa số 3 diện tích 401m² đứng tên ông Nguyễn Bá N1. Tổng 2 thửa đất có diện tích 790m² nhưng không thể hiện rõ đã bao gồm diện tích lối đi vào thửa đất số 2 của ông Nguyễn Bá N1 nằm ở phía Đông Bắc thửa đất số 3 của ông Nguyễn Bá N1 hay chưa. Trên bản đồ không thể hiện có đường giao thông của thôn, xóm giáp hướng Đông Bắc thửa số 3 diện tích 401m² của ông Nguyễn Bá N1 và giáp hướng Đông Bắc thửa số 2 diện tích 389m² của ông Nguyễn Bá N1 nên UBND thị trấn T và UBND huyện G xác định diện tích 28,9m² lối đi vào thửa số 2 của ông Nguyễn Bá N1 là đường giao thông do UBND thị trấn quản lý là không có căn cứ.

Căn cứ bản đồ đo đạc năm 1993-1994 và Sơ đồ thửa đất trong hồ sơ cấp GCN QSD đất của ông Nguyễn Hồng N xác định lối đi vào thửa đất số 2 của ông Nguyễn Bá N1 thuộc thửa số 5 tờ bản đồ 14 diện tích 388m².

Căn cứ Sơ đồ thửa đất trong hồ sơ cấp GCN QSD đất của ông Nguyễn Bá N1 xác định phía Đông Bắc của thửa đất số 4 bản đồ đo đạc năm 1993-1994 không giáp đường giao thông của thôn, xóm.

Từ những căn cứ nêu trên xác định diện tích 28,9m² lối đi vào thửa số 5 tờ bản đồ 14 đo đạc năm 1993-1994 thuộc đất thổ cư của ông cha ông Nguyễn Bá N1, ông Nguyễn Hồng N, không phải là đất công do UBND thị trấn quản lý.

[5] Theo Hồ sơ kỹ thuật thửa đất lập ngày 22/3/2021, phần diện tích 28,9m² sử dụng làm lối đi của gia đình ông Nguyễn Bá N1 có 01 mặt tiếp giáp với đường

từ tiếp giáp đường N đi qua tổ dân phố K đến giáp đường từ Đại học N 1 đến hết địa phận T nên căn cứ Quyết định 4613/QĐ-UBND ngày 28/10/2021 của UBND thành phố Hà Nội về phê duyệt giá đất ở làm căn cứ bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng và thu tiền sử dụng đất tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Xây dựng tuyến đường gom từ cầu T đến cầu vượt P xác định diện tích 28,9m² lối đi này thuộc vị trí 1 đường từ tiếp giáp đường N đi qua tổ dân phố K đến giáp đường từ Đại học N 1 đến hết địa phận T có đơn giá 22.542.000đ/m².

Quyết định 6945/QĐ-UBND ngày 09/11/2022 của UBND G về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho các ông, bà Nguyễn Bá N1, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thị Thu H1, Nguyễn Thị Thu H2, Nguyễn Hồng N xác định 28,9m²/69,5m² lối đi chung của các ông bà là đất công do UBND thị trấn quản lý nên không được bồi thường là không đúng.

[6] Theo quy định tại Khoản 4 Điều 6, Điều 7 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, giá đất ở tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất do UBND cấp tỉnh quy định; số tiền được bồi thường về đất theo giá đất cụ thể tại thời điểm có quyết định thu hồi đất.

Theo quy định tại Điều 15, Điều 18 Nghị định 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, UBND tỉnh quyết định giá đất cụ thể; giá đất cụ thể được sử dụng để làm căn cứ đối với các trường hợp trong đó có tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất; căn cứ vào giá đất phổ biến trên thị trường, điều kiện kinh tế - xã hội ở địa phương và bảng giá đất, UBND cấp tỉnh quy định, quyết định hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể; trường hợp dự án có các thửa đất liền kề nhau, có cùng mục đích sử dụng, khả năng sinh lợi và thu nhập từ việc sử dụng đất tương tự nhau thì UBND cấp tỉnh quyết định hệ số điều chỉnh giá đất để áp dụng cho từng dự án tại thời điểm Nhà nước quyết định thu hồi đất.

Quyết định 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2020, thay thế Quyết định 96/2014/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 và Quyết định 19/2017/QĐ-UBND ngày 30/5/2017 của UBND thành phố Hà Nội nhưng phạm vi áp dụng không có quy định được sử dụng làm căn cứ, làm cơ sở xác định giá đất trong trường hợp tính tiền bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất như Quyết định 96/2014/QĐ-UBND ngày 29/12/2014.

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã căn cứ Quyết định 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 để ban hành Quyết định 4613/QĐ-UBND ngày 28/10/2021 về việc phê duyệt giá đất ở làm căn cứ bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng và thu tiền sử dụng đất tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Xây dựng tuyến đường gom từ cầu T đến cầu vượt P thì Quyết định 6945/QĐ-UBND ngày 09/11/2022 của UBND huyện G về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư căn cứ vào Quyết định 4613/QĐ-UBND ngày 28/10/2021 của UBND thành phố Hà Nội là đúng nhưng căn cứ Quyết định 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND thành phố Hà Nội

là không đúng.

[7] Quyết định 927/QĐ-UBND ngày 14/3/2023 của Chủ tịch UBND huyện G về việc giải quyết khiếu nại lần đầu quyết định nội dung Nguyễn Hồng N khiếu nại là không có cơ sở giải quyết, khiếu nại sai là không đúng.

Mặt khác, Quyết định 927/QĐ-UBND không quyết định gì đối với quyết định bị khiếu nại là Quyết định 6945/QĐ-UBND ngày 09/11/2022 của UBND G mà lập lại phần nhận định nội dung Nguyễn Hồng N khiếu nại là không có cơ sở giải quyết, khiếu nại sai là không đúng.

[8] Từ những phân tích nhận định nêu trên, có đủ căn cứ xác định Quyết định 6945/QĐ-UBND ngày 09/11/2022 của UBND G về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và Quyết định 927/QĐ-UBND ngày 14/3/2023 của Chủ tịch UBND huyện G về việc giải quyết khiếu nại được ban hành không đúng quy định của pháp luật, cần tuyên hủy.

Yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hồng N được chấp nhận nên được hoàn trả tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp; Chủ tịch và UBND huyện G phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Luật Đất đai năm 2013; Nghị định 44/2014/NĐ-CP và Nghị định 47/2014/NĐ-CP cùng ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hồng N.

[1] Hủy Quyết định 6945/QĐ-UBND ngày 09/11/2022 của Ủy ban nhân dân huyện G về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho các ông, bà: Nguyễn Bá N1, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thị Thu H1, Nguyễn Thị Thu H2, Nguyễn Hồng N bị thu hồi đất tại tổ dân phố K, thị trấn T để thực hiện dự án: Xây dựng tuyến đường gom từ cầu T đến cầu vượt P, huyện G.

[2] Hủy Quyết định 927/QĐ-UBND ngày 14/3/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Hồng N trú tại tổ dân phố K, thị trấn T, huyện G.

[3] Buộc Ủy ban nhân dân huyện G ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khác cho các ông, bà: Nguyễn Bá N1, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thị Thu H1, Nguyễn Thị Thu H2, Nguyễn Hồng N bị thu hồi đất tại tổ dân phố K, thị trấn T để thực hiện dự án: Xây dựng tuyến đường gom từ cầu T đến cầu vượt P, huyện G theo đúng nhận định của bản án và quy định của pháp luật.

[4] Trả lại cho ông Nguyễn Hồng N số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 2647

ngày 12/10/2023 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

[5] Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện G, Ủy ban nhân dân huyện G phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm tại Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Đương sự hoặc người đại diện hợp pháp của đương sự có mặt tại phiên tòa hoặc đã tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự hoặc người đại diện hợp pháp của đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát NDTP Hà Nội
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ
- Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Hoàng Phúc

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

